

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2022/KDTM-PT  
Ngày: 29 - 9 - 2022  
V/v: Tranh chấp HĐ phân phối

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Thịnh

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Diệp  
Ông Hồ Văn Cường

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-KDTM, ngày 24 tháng 8 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2022/KDTM-ST, ngày 16-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-PT, ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Anh Phan Quyết T, sinh năm 1985; địa chỉ: số 7 Khu phố HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng.

2. Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số 27 đường 3A, khu phố 5, phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 12 hẻm 105, đường CMT8, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần P; địa chỉ: tổ 14 ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Minh T1 - Tổng giám đốc, có mặt.

- **Người kháng cáo:** bị đơn

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01-7-2019, anh Phan Quyết T và anh Nguyễn Mạnh H ký hợp đồng phân phối hàng hóa với Công ty Cổ phần P (gọi tắt là Công ty) do ông Nguyễn Minh T1 làm tổng giám đốc. Theo đó, anh H và anh T làm nhà phân phối hàng hóa cho Công ty (đặt tên là Nhà phân phối HT), thời hạn hợp đồng là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 01-7-2019), loại hàng hóa phân phối là nước sơn và sản phẩm đi kèm như bột trét tường... do Công ty sản xuất. Ngày 23-11-2019, anh T, anh H và Công ty có ký thêm 01 phụ lục hợp đồng. Sau đó, anh T, anh H chuyển tiền và nhận hàng của Công ty về bán.

Do hàng mà Công ty giao không có chứng từ, hóa đơn nên anh H, anh T không thể bán lại cho người tiêu dùng và các công trình xây dựng. Sau nhiều lần nhắc nhở trực tiếp, thì ngày 28-8-2020, anh H, anh T có văn bản chính thức gửi cho Công ty về việc chấm dứt hợp đồng phân phối và yêu cầu Công ty đến nhận lại hàng còn tồn (có bảng liệt kê kèm theo); đồng thời yêu cầu Công ty thanh toán lại giá trị hàng tồn. Công ty có cử người đến kiểm tra hàng nhưng sau đó không trả tiền lại và chưa chở hàng về. Số hàng còn tồn vẫn còn gửi tại kho của Nhà phân phối HT.

Trước đó, vào ngày 16-01-2020, anh H - T có chuyển khoản cho Công ty P tiền đặt hàng là 150.000.000 đồng nhưng từ khi chuyển khoản cho đến ngày 15-6-2020 Công ty P chỉ giao số lượng hàng hóa tương ứng với giá trị là 37.000.000 đồng, tại phiên tòa ông H1 đính chính lại giá trị hàng hóa đã nhận tương ứng với số tiền 38.815.000 đồng, phần còn lại thì không giao.

Nay anh H, anh T yêu cầu Công ty Cổ phần P trả tổng số tiền 401.797.000 đồng, bao gồm các khoản: 290.612.000 đồng là giá trị của hàng tồn; 111.185.000 đồng là số tiền đã chuyển cho công ty nhưng chưa nhận được hàng. Đối với phần tiền điện 5.000.000 đồng và tiền thuê mặt bằng từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2020 là 20.000.000 đồng và tiền cọc thuê mặt bằng 15.000.000 đồng thì anh H, anh T không tiếp tục yêu cầu nữa và cũng không yêu cầu tính tiền lãi.

*Bị đơn - Công ty Cổ phần P trình bày:* Ngày 23-11-2019, giữa Công ty và anh H, anh T có ký hợp đồng nguyên tắc, Phụ lục hợp đồng số 01 và Hợp đồng mượn tài sản.

Đơn hàng đầu tiên trị giá 300.511.800 đồng là anh H, anh T đã chuyển khoản trước khi giao hàng, nhưng những đơn hàng sau thì có khi giao hàng trước chuyển khoản sau.

Mặc dù Công ty chưa nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng ngày 28-8-

2020 của Nhà phân phối HT nhưng Công ty có cho nhân viên đến kiểm tra số lượng hàng hóa mà Nhà phân phối HT trả lại nhưng chưa kiểm tra về chất lượng, nếu đúng chất lượng của hàng hóa thì Công ty mới đồng ý thu hồi lại hàng tồn.

Công ty không đồng ý thanh toán các khoản tiền theo yêu cầu của anh H, anh T. Khi nào Công ty kiểm định chất lượng hàng hóa mà nhà phân phối trả lại thì mới có thể quyết toán hợp đồng. Khi nào quyết toán xong hợp đồng nếu Công ty còn nợ bao nhiêu thì đồng ý trả bấy nhiêu.

Tại bản án kinh doanh thương mại sự sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST, ngày 16-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các điều 385, 398, 401 và 403 của Bộ luật Dân sự; các điều 42, 166, 167, 176 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H và anh Phan Quyết T đối với Công ty Cổ phần P về việc “Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa”.

Buộc Công ty Cổ phần P phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H và anh Phan Quyết T tổng số tiền 239.495.700 (*Hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm*) đồng, trong đó gồm: số tiền tương ứng với giá trị hàng tồn là 203.435.400 (*Hai trăm lẻ ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm*) đồng và số tiền đã chuyển khoản nhưng chưa giao hàng là 36.060.300 (*Ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn ba trăm*) đồng.

Buộc Công ty Cổ phần P có trách nhiệm nhận lại số hàng tồn gồm:

- + Bột trét tường AMATA: 28 bao (01 bao/ 40 kg);
- + Sơn W120: 27 thùng (thùng 18 lít) và 11 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W221: 56 thùng (thùng 18 lít) và 07 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W211: 14 thùng (thùng 18 lít) và 13 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W430: 36 thùng (thùng 18 lít) và 21 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W510: 02 thùng (thùng 18 lít) và 24 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W610: 20 thùng (thùng 18 lít) và 20 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W315: 16 thùng (thùng 18 lít) và 18 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W400: 07 thùng (thùng 18 lít) và 05 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W500: 02 thùng (thùng 18 lít) và 07 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W150: 22 thùng (thùng 18 lít) và 18 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W740: 12 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W860: 12 lon (lon 05 lít).

Hiện tất cả các sản phẩm trên đang được lưu giữ tại địa chỉ: Số 85 đường 3/2, khu phố 2, Phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H và anh Phan Quyết T đối với Công ty Cổ phần P về yêu cầu trả số tiền số tiền 162.311.300 (*Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm*) đồng, trong đó gồm: số tiền tương ứng với giá trị hàng tồn là 87.186.600 (*Tám mươi bảy*

*triệu một trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm)* đồng và số tiền đã chuyển khoản nhưng chưa giao hàng là 75.124.700 (*Bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm)* đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền thuê nhà, tiền đặt cọc thuê nhà, tiền điện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 12/7/2022, bị đơn kháng cáo không chấp nhận trả tiền cho nguyên đơn như bản án sơ thẩm tuyên vì bị đơn chưa nhận lại hàng tồn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Hợp đồng phân phối hàng hóa giữa anh H, anh T (nguyên đơn) với Công ty P (bị đơn) ngày 01-7-2019 là hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo đó, nguyên đơn mua nước sơn và sản phẩm đi kèm như bột trét tường và các sản phẩm khác do bị đơn sản xuất để về bán lẻ cho người tiêu dùng. Thời hạn hợp đồng là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Việc giao nhận hàng theo hình thức trả tiền trước, lấy hàng sau. Quá trình thực hiện: Ngày 16-01-2020, nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 150.000.000 đồng nhưng chưa nhận đủ hàng; ngoài ra nguyên đơn còn mua sơn và bột trét tường của bị đơn nhưng do không có chứng từ, hóa đơn nên nguyên đơn không bán hàng được. Ngày 28-8-2020, nguyên đơn có làm văn bản chính thức gửi cho bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng phân phối và yêu cầu bị đơn đến nhận lại hàng tồn (có bảng liệt kê kèm theo) và yêu cầu bị đơn thanh toán lại giá trị hàng tồn. Bị đơn cho người đến kiểm tra hàng nhưng đến nay vẫn chưa đến nhận lại số hàng trên. Bị đơn bán hàng cho nguyên đơn nhưng không đảm bảo chứng từ, hóa đơn nên nguyên đơn có quyền từ chối nhận hàng hoặc trả hàng lại sau nhiều lần yêu cầu bị đơn cung cấp chứng từ nhưng không được chấp thuận. Như vậy lỗi là từ phía bị đơn, nên bị đơn phải có trách nhiệm nhận lại hàng và hoàn trả tiền cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng nguyên đơn không cung cấp thông tin, mã số thuế của khách hàng cho bị đơn nên bị đơn không xuất hóa đơn được. Tuy nhiên, giao dịch giữa bị đơn và nguyên đơn là mua bán hàng hóa, không phải là đại lý, nên khi

xuất hàng đến đâu người bán phải có nghĩa vụ giao chứng từ, hóa đơn kèm theo cho người mua. Hơn nữa, lời trình bày của bị đơn cũng không có căn cứ chứng minh.

[2] Cấp sơ thẩm xác định số lượng hàng phù hợp với số lượng mà 2 bên xác nhận và đã được thẩm định; sản phẩm còn nguyên vẹn, không bị bóc tem. Số hàng này bị đơn thừa nhận về số lượng nhưng không đồng ý nhận lại vì cho rằng chưa kiểm định về chất lượng. Lời trình bày của bị đơn là không phù hợp, bởi lẽ khi giao hàng cho nguyên đơn hai bên cũng không tiến hành kiểm tra chất lượng thực tế, hàng vẫn còn nguyên vẹn, không bị bóc tem đã đảm bảo như lúc nhận. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải nhận lại số hàng này và hoàn trả giá trị cho nguyên đơn là có căn cứ. nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc theo quy định.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GD.

Căn cứ điều 385, 398, 401 và 403 của Bộ luật Dân sự; các điều 42, 166, 167, 176 của Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H và anh Phan Quyết T đối với Công ty Cổ phần P về việc “Tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa”.

Buộc Công ty Cổ phần P phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H và anh Phan Quyết T tổng số tiền 239.495.700 (Hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm) đồng, trong đó gồm: số tiền tương ứng với giá trị hàng tồn là 203.435.400 (Hai trăm lẻ ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm) đồng và số tiền đã chuyển khoản nhưng chưa giao hàng là 36.060.300 (Ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn ba trăm) đồng.

Buộc Công ty Cổ phần P có trách nhiệm nhận lại số hàng tồn gồm:

- + Bột trét tường AMATA: 28 bao (01 bao/ 40 kg);
- + Sơn W120: 27 thùng (thùng 18 lít) và 11 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W221: 56 thùng (thùng 18 lít) và 07 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W211: 14 thùng (thùng 18 lít) và 13 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W430: 36 thùng (thùng 18 lít) và 21 lon (lon 05 lít);

- + Sơn W510: 02 thùng (thùng 18 lít) và 24 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W610: 20 thùng (thùng 18 lít) và 20 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W315: 16 thùng (thùng 18 lít) và 18 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W400: 07 thùng (thùng 18 lít) và 05 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W500: 02 thùng (thùng 18 lít) và 07 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W150: 22 thùng (thùng 18 lít) và 18 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W740: 12 lon (lon 05 lít);
- + Sơn W860: 12 lon (lon 05 lít).

Tất cả các sản phẩm trên đang được lưu giữ tại kho của nguyên đơn, địa chỉ: Số 85 đường 3/2, khu phố 2, Phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H và anh Phan Quyết T đối với Công ty Cổ phần P về yêu cầu trả số tiền số tiền 162.311.300 (Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm) đồng, trong đó gồm: số tiền tương ứng với giá trị hàng tồn là 87.186.600 (Tám mươi bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng và số tiền đã chuyển khoản nhưng chưa giao hàng là 75.124.700 (Bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm) đồng.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền thuê nhà, tiền đặt cọc thuê nhà, tiền điện.

1.4. Về chi phí tố tụng khác: Công ty Cổ phần P phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Công ty Cổ phần P có trách nhiệm hoàn trả cho anh H, Tháng 2.000.000 đồng (đã ứng nộp).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.5. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần P phải chịu 11.975.000 (Mười một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Anh H và anh T phải chịu 8.115.000 (Tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào tiền 11.072.000 (Mười một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012608 ngày 02-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Hoàn trả cho anh H, anh T số tiền 2.957.000 (Hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần P phải chịu 300.000 đồng; ghi nhận đã nộp tại biên lai thu số 0024559, ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đỗ Văn Thịnh**